

Số: 2554/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 30 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 khai thác nguồn nước dưới đất công trình giếng khoan GK₁, GK₂

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (kê khai điều chỉnh) ngày 20/7/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 406/BC-STNMT ngày 04/9/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 2261/GP-UBND ngày 28/9/2020 do UBND tỉnh cấp, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: Công trình giếng khoan khai thác nước dưới đất GK₁, GK₂.

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ sinh hoạt (15m³/ngày đêm) và sản xuất (215m³/ngày đêm cho sản xuất bia; 350m³/ngày đêm cho vệ sinh máy móc thiết bị, nhà xưởng sản xuất).

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Khai thác nước dưới đất để dùng cho sản xuất phi nông nghiệp, trừ nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi (580m³/ngày đêm).

4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng (G):

- G = 4.000 đồng/m³ đối với nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác – theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên.

- $G = 40.000 \text{ đồng/m}^3$ (cho mục đích sản xuất bia) – Theo Bảng giá tính thuế tài nguyên tại Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên.

5. Tổng số tiền phải nộp: 337.701.120 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm linh một nghìn một trăm hai mươi đồng). Trong đó:

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước còn phải nộp theo Giấy phép 1904/GP-UBND ngày 27/8/2019 tính đến hết 31/12/2020 là: 40.277.220 đồng.

- Số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Giấy phép số 2261/GP-UBND, ngày 28/9/2020 là: 297.423.900 đồng.

6. Phương án nộp tiền: Nộp tiền hàng năm.

- Năm đầu tiên của giấy phép: 139.421.120 đồng/năm.

- Năm thứ hai của giấy phép: 99.140.000 đồng/năm.

- Năm thứ ba của giấy phép: 99.140.000 đồng/năm.

7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Hưng Yên ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước gửi đến Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 theo quy định; xử lý việc chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Hưng Yên. Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 gửi 01 bản sao giấy chứng nhận có chứng thực cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Nghị định 82/2017/NĐ-CP. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Hưng Yên; Giám đốc Công ty Cổ phần thương mại bia Hà Nội - Hưng Yên 89 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; KT1^{LT}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thế Cử

Bùi Thế Cử